TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2024/QĐST-HNGĐ

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 04 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 506/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Trần K, sinh năm: 1953

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đô V, thành phố P, tỉnh N.

Và Bà Lê Thị L, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Đô V, thành phố P, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần K và bà Lê Thị L tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên hai vợ chồng yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần K và bà Lê Thị L có 03 con chung tên Trần Thị Minh N, sinh năm: 1983; Trần Minh Q, Sinh năm: 1981 và Trần Minh C, sinh năm: 1979. Các con chung tên Trần Thị Minh N, Trần Minh Q, Trần Minh C đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông K và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần K và bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần K và bà Lê Thị L được miễn toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần K và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các con chung tên Trần Thị Minh N, Trần Minh Q, Trần Minh Ch đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông K và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần K và bà Lê Thị L được miễn toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh N;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hồng